

Số: 256 /PGĐT-TCCB

Thủ Dầu Một, ngày 17 tháng 3 năm 2021

V/v Hướng dẫn thực hiện chính sách
tinh giản biên chế.

Kính gửi:

- Hiệu trưởng trường Mầm non;
- Hiệu trưởng trường Tiểu học;
- Hiệu trưởng THCS.

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị định 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 13/3/2018 của Thành ủy Thủ Dầu Một về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW (khóa XII) về “một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Quyết định số 605-QĐ/TU ngày 21/8/2018 của Thành ủy phê duyệt đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thành phố Thủ Dầu Một tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 30/11/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Đề chủ động trong công tác giải quyết chế độ, chính sách cho các đối tượng nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 30/11/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương;

Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Dầu Một hướng dẫn các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thực hiện một số nội dung sau:

1/ Công tác triển khai

- Đề nghị Hiệu trưởng các trường triển khai đến tất cả giáo viên, nhân viên Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính



phù sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị định 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương.

2/ Các trường hợp tinh giản biên chế

- Thực hiện theo Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP;

- Khoản 2 Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP; Khoản 3 Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP bổ sung điểm h tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP;

- Khoản 1 Điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm c, d, đ, e, g Khoản 2 Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP.

"a) Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự;

b) Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác;

c) Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan, đơn vị bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

d) Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên không hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng không thể bố trí việc làm khác hoặc được cơ quan, đơn vị bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

đ) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

e) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

g) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau

theo quy định của pháp luật hoặc năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

h) Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.”

3/ Chính sách về hưu trước tuổi

- Thực hiện theo Khoản 2 Điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định 108/2014/NĐ-CP và các khoản 6, khoản 7 Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP.

Có 02 nhóm:

a) Nhóm 1:

Cán bộ công chức, viên chức và người lao động thực hiện tinh giản biên chế đủ điều kiện tại Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP và điều chỉnh bổ sung tại Nghị định 113/2018/NĐ-CP, Nghị định 143/2020/NĐ-CP có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 169 Bộ luật lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên. Được hưởng các chế độ sau:

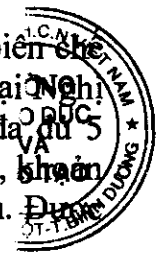
- + Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ trước tuổi.
- + Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định.
- + Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp ½ (một phần hai) tháng tiền lương.

VD: Cô Nguyễn Thị A, sinh ngày 15/5/1969 đang giảng dạy tại trường Tiểu học, có trình độ Cao đẳng sư phạm. Theo quy định tại Bộ luật lao động 2019 cô Nguyễn Thị A sẽ nghỉ hưu vào ngày 01/6/2026 (57 tuổi).

- Cô Nguyễn Thị A đủ điều kiện để xin nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP với lý do “Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ ... (quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 6). Mốc thời gian xin nghỉ từ 01/6/2021 đến 01/6/2024 (thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu).

b) Nhóm 2:

Cán bộ công chức, viên chức và người lao động thực hiện tinh giản biên chế đủ điều kiện tại Điều 6 Nghị định 108/2014/NĐ-CP và điều chỉnh bổ sung tại Nghị định 113/2018/NĐ-CP, Nghị định 143/2020/NĐ-CP có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 169 Bộ luật lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của



pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

4/ Chính sách thôi việc ngay

- Thực hiện theo khoản 4 Điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 Nghị định 108/2014/NĐ-CP:

“ Những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại điều 6 Nghị định này có tuổi tối đa thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này hoặc có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 bộ luật Lao động và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này nếu thôi việc ngay thì được hưởng các khoản trợ cấp sau:

- a) Được trợ cấp 3 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;
- b) Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.”

5/ Thành phần hồ sơ

- + Đơn xin tinh giản biên chế.
- + Biên bản họp xét tinh giản biên chế.
- + Tờ trình đề nghị tinh giản biên chế của đơn vị.
- + Danh sách tinh giản biên chế.
- + Các Quyết định lương, Quyết định bổ nhiệm.
- + Xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm.

(Lưu ý: hồ sơ lập thành 04 bộ; đồng thời gửi qua địa chỉ email: lethaiduong@tptdm.edu.vn file danh sách đề nghị tinh giản).

6/ Thời gian xét duyệt tinh giản biên chế (định kỳ 2 lần/năm; 6 tháng/lần)

Hồ sơ đề nghị giải quyết nghỉ tinh giản biên chế gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo **Đợt 1: chậm nhất ngày 01/12 năm trước để xét đề nghị nghỉ vào 01/6 năm sau; Đợt 2: chậm nhất ngày 01/6 để xét đề nghị nghỉ vào ngày 01/12 hàng năm.**

Trên đây là hướng dẫn thực hiện chính sách tinh giản biên chế của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Dầu Một./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư, TCCB.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Chết